UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin tổng quát**

|  |
| --- |
| - Tên học phần: **KIẾN TRÚC CẢNH QUAN (2+0)** |
| - Tên tiếng Anh:**LANDSCAPE ARCHITECTURE** |
| - Mã học phần: |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Cơ bản ❑ Cơ sở ngành ❑  Chuyên ngành 🗹 Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ❑ |
| - Số tín chỉ: 2 |
| + Số tiết lý thuyết: 60 |
| + Số tiết thực hành: |
| - Project: 0 |
| - Tự học: 180 tiết  + Đọc tài liệu: 90 tiết  + Làm bài tập: 90 tiết  + Hoạt động khác (nếu có): 0 |
| - Học phần tiên quyết: không |
| - Học phần học trước: Quy hoạch đô thị |

**2. Mô tả học phần**

* Cung cấp kiến thức tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong đô thị. Kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan như khái niệm, phân loại cảnh quan, mối quan hệ giữa cảnh quan tự nhiên và cảnh quan nhân tạo, phân tích những yếu tố cơ bản của việc tổ chức và thiết kế cảnh quan đô thị.

**3. Mục tiêu học phần**

* ***Kiến thức*:** Cung cấp kiến thức tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong đô thị. Kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan như khái niệm, phân loại cảnh quan, mối quan hệ giữa cảnh quan tự nhiên và cảnh quan nhân tạo, phân tích những yếu tố cơ bản của việc tổ chức và thiết kế cảnh quan đô thị.
* ***Kỹ năng:***Phát huy kỹ năng tư duy thiết kế và quy hoạch đô thi, kỹ năng
* ***Thái độ*:** Trên cơ sở môn học, sinh viên có thể nhận thức được tầm quan trọng của thiết kế kiến trúc cảnh quan, từ đó tạo cho mình một phản xạ, một kỹ năng sống tốt đối với môi trường nhằm tái tạo năng lượng tự nhiên.

**4. Nguồn học liệu**

***Tài liệu bắt buộc:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tài liệu** | **Họ và tên tác giả** | **Nơi, Năm,  Nhà xuất bản** | **Nguồn cung cấp (ghi rõ địa điểm, hoặc Website)** |
| [1] | Kiến trúc cảnh quan đô thị | Hàn Tấn Ngạn | NXB Xây Dựng, Hà Nội, 1996 |  |
| [2] | Tổ chức và quản lý môi trường cảnh quan đô thị | Nguyễn Thị Thanh Thủy | NXB Xây Dựng, Hà Nội, 1997. |  |
| [3] | Từ những góc nhìn về kiến trúc cảnh quan đô thị | Lưu Thị Hải | NXB Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 2005. |  |

***Tài liệu không bắt buộc:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tài liệu** | **Họ và tên tác giả** | **Nơi, Năm,  Nhà xuất bản** | **Nguồn cung cấp (ghi rõ địa điểm, hoặc Website)** |
| [4] | Landscape architecture | Simonds John Orsbee | McGraw - Hill, New York, 1997 |  |
| [5] | Xu hướng mới kiến trúc đô thị thế giới và Việt Nam - thời hội nhập | Nguyễn Hữu Thái | NXB Xây Dựng, 2003 |  |
| [6] | Dictionnaire Historique de l’Art des Jardins | Merlin Pierre et Choay | Hazan Public, 1999. |  |
| [7] | L’art des jardins dans les pays siniss: Chine, Japon, Core, Viet Nam | Vandermeersch Lon | Press Universitaire de Vincennes, Saint Denis, 2000 |  |
| [8] | Etre humain sur la terre | Berque Augustin | Gallimard Public, France, 1996 |  |

***Tài nguyên khác:***

**5. Chuẩn đầu ra học học phần**

**Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra** **của CTĐT theo mức độ sau**:

**N** : Không đóng góp/không liên quan

**S** : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

**H** : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp | | | | | | | | | | | | | | |
|  | Kiến trúc cảnh quan | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 | ELO 11 | ELO 12 | ELO 13 | ELO 14 | ELO 15 |
| N | H | N | H | S | N | N | S | S | S | S | N | N | N | S |

**Chi tiết Chuẩn đầu ra được mô tả trong bảng sau**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | | **CĐR của CTĐT**  **(ELOx)** |
| Kiến thức | CELO1 | Cung cấp kiến thức tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong đô thị. Kiến thức cơ bản về cảnh quan, kiến trúc cảnh quan. | ELO3, ELO4, ELO5 |
| CELO2 | Lược khảo lịch sử hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan | ELO1, ELO2 |
| CELO3 | Cơ sở quy hoạch bố cục và thiết kế cảnh quan |  |
| CELO4 | Quy hoạch cảnh quan : quy hoạch vùng- nông thôn, quy hoạch cảnh quan đô thị, quy hoạch cảnh quan các quần thể trong đô thị | ELO04, ELO05 |
| Kỹ năng | CELO5 | Thiết kế cảnh quan: tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan công viên, khu ở, các công trình công cộng… | ELO8, ELO9, ELO10, ELO11 |
| Thái độ | CELO6 | Trên cơ sở môn học, sinh viên có thể nhận thức được tầm quan trọng của thiết kế kiến trúc cảnh quan, từ đó tạo cho mình một phản xạ, một kỹ năng sống tốt đối với môi trường nhằm tái tạo năng lượng tự nhiên. | ELO15 |

**6. Chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra**

| **Chuẩn đầu ra**  **LOx** | **Chỉ báo thực hiện** | **Mô tả chỉ báo thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| CELO1 | CELO1.1 | **Khái niệm chung về cảnh quan:** Định nghĩa cảnh quan , cảnh quan vùng, cảnh quan đô thị, cảnh quan nông thôn. |
| CELO1.2 | **Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan:** Khái niệm kiến trúc cảnh quan, đối tượng và nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan. khái niệm quy hoạch cảnh quan. khái niệm thiết kế cảnh quan. |
| CELO2 | CELO2.1 | **Sự hình thành và phát triển của KTCQ thời kỳ tiền công nghiệp:** Vườn Ai Cập, Vườn lăng Taj Mahal (Ấn Độ) ,Vườn cổ La Mã ,Vườn treo Babylon, Vườn cổ Hy Lạp, Vườn Pháp (tiêu biểu vườn cung điện Versaiter), Vườn Ý ,Vườn cổ Nga, , Vườn Trung Quốc ,Vườn Nhật, Các đặc trưng của kiến trúc cảnh thời kỳ tiền công nhiệp |
| CELO2.2 | **Sự hình thành và phát triển của KTCQ thời kỳ công nghiệp:** Vườn Pháp, Vườn Anh, Vườn Nga |
| CELO2.3 | **Sự hình thành và phát triển của KTCQ thời kỳ hậu công nghiệp**  **Sự hình thành và phát triển của KTCQ ở Việt Nam:** Bố cục cảnh quan thời Lý , bố cục cảnh quan cuối đời trần, một số đặc trưng của sự hình thành cảnh quan kiến trúc cung đình. |
| CELO2.4 | **Các nhận xét chủ yếu: k**iến trúc cảnh quan thời kỳ tiền công nghiệp. kiến trúc cảnh quan thời kỳ công nghiệp. kiến trúc cảnh quan thời kỳ hậu công nghiệp |
| CELO3 | CELO3.1 | **Các cơ sở cho việc bố cục cảnh quan:** điểm nhìn, tầm nhìn, góc nhìn |
| CELO3.2 | **Lý luận hình ành đô thị của Kevin lynch:** Lynch đề xuất việc xây dựng tính hình ảnh đô thị , các nhân tố cấu thành hình tượng. |
| CELO3.3 | **Kỹ xảo tạo hình – trang trí không gian - cảnh quan; tạo hình không gian:** xác định kích thước khôn gian, các yếu tố thị giác và phi thị giác, các thành phần cấu thành không gian, các quy luật bố cục chủ yếu, tỷ lệ và sự cân đối, các quy tắc xắp xếp |
| CELO3.4 | **Cảm quan thị giác:** cường độ thị giác, cấu trúc ẩn, cân giác hình dạng thị giác, chuyển động thị giác, điểm nét diện trong tạo hình |
| CELO4 | CELO4.1 | **Quy hoạch vùng – nông thôn:** Nguyên tắc phân vùng cảnh quan, Cảnh quan vùng nghỉ ngơi - giải trí, Công viên bảo tồn, Quần thể di tích cảnh quan. |
| CELO4.2 | **Quy hoạch cảnh quan đô thị:** Phân vùng cảnh quan, Quy hoạch cảnh quan đô thị |
| CELO4.3 | **Quy hoạch cảnh quan các quần thể trong đô thị:** Các loại hình cảnh quan quần thể trong đô thị, Cơ sở hình thành cảnh quan quần thể trong đô thị Những nguyên tắc quy hoạch cảnh quan quần thể trong đô thị |
| CELO5 | CELO5.1 | **Các loại công viên thường gặp:** Công viên trung tâm, Công viên thể thao, Công viên giải trí, Vườn bách thảo- vườn bách thú, Công viên tưởng niệm, Công viên thiếu nhi, Công viên rừng, Công viên bảo tồn. |
| CELO5.2 | **Các thành phần chính trong công viên**  **Sơ đồ cơ cấu quy hoạch công viên:** Sơ đồ cơ cấu quy hoạch tập trung, Sơ đồ cơ cấu quy hoạch hợp thể phân tán , Sơ đồ cơ cấu quy hoạch hình tia |
| CELO5.3 | **Thiết kế không gian - chức năng cảnh quan vườn- công viên:** Một số chỉ tiêu tham khảo thiết kế cây xanh công viên, Nguyên tắc thiết kế, Mạng lưới đường trong công viên , Chọn loại cây trồng và thiết kế cây xanh cho công viên , Một số loại hình công viên tiêu biểu. |
| CELO5.4 | **Thiết kế không gian kiến trúc cảnh quan một số công trình:** Thiết không gian chức năng đường phố, Thiết kế không gian quảng trường ,Thiết kế cây xanh bệnh viện ,Thiết kế cây xanh trường học, Thiết kế cây xanh thư viện, Thiết kế cây xanh bảo tang, Thiết kế cây xanh khu công nghiệp, Thiết kế cây xanh rừng phòng hộ, Thiết kế không gian kiến trúc cảnh quan khu ở. |
| CELO6 | CELO6.1 | Có thái đúng đắn với môn học và ngành học. |
| CELO6.2 | Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với việc học tập suốt đời. |

**7. Đánh giá học phần**

| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tỉ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá quá trình** | | | | **50** |
| Thuyết trình nhóm | Các nhóm Thuyết trình về một đô thị mà nhóm nghiên cứu, các nhóm khác phản biện. | Tuần 5 | CELO3.3, CELO3.4, CELO5.4, CELO5.4 |  |
| Thuyết trình nhóm | Các nhóm Thuyết trình về một đô thị mà nhóm nghiên cứu, các nhóm khác phản biện. | Tuần 6 | CELO5.1,  CELO5.2, CELO5.3, CELO5.4 |  |
| **Kiểm tra cuối kỳ** | | | | **50** |
| Tự luận | Từ những kiến thức đã được học hãy xử lý các tình huống và phân tích điều kiện thực tế đô thị hiện nay | Theo lịch của PĐT | CELO2.1, CELO2.2, CELO3.2, CELO3.3 CELO4.1, CELO4.2, CELO5.3, CELO5.4 |  |

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| Buổi | Nội dung | Hoạt động dạy và học | Chỉ báo thực hiện | Tài liệu tham khảo |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1  Chương I | * 1. Khái niệm chung về cảnh quan   2. Định nghĩa cảnh quan   3. Cảnh quan vùng   4. Cảnh quan đô thị   5. Cảnh quan nông thôn |  | LO1.1, LO1.2, | [1] |
| * 1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan   2. Khái niệm kiến trúc cảnh quan   3. Đối tượng và nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan   4. Khái niệm quy hoạch cảnh quan   5. Khái niệm thiết kế cảnh quan |  | LO1.1, LO1.2, | [1], [2] |
| 2  Chương II | * 1. Sự hình thành và phát triển của KTCQ thời kỳ tiền công nghiệp   2. Vườn Ai Cập   3. Vườn lăng Taj Mahal (Ấn Độ)   4. Vườn cổ La Mã   5. Vườn treo Babylon   6. Vườn cổ Hy Lạp   7. Vườn Pháp (tiêu biểu vườn cung điện Versaiter)   8. Vườn Ý   9. Vườn cổ Nga   10. Vườn Trung Quốc (yếu tố núi và nước là 2 nhân tố quyết định, xen kẽ là cây xanh có quy mô lớn và đồ sộ)   11. Vườn Nhật   12. Các đặc trưng của kiến trúc cảnh thời kỳ tiền công nhiệp |  | LO2.1, | [1] |
| * 1. Sự hình thành và phát triển của KTCQ thời kỳ công nghiệp   2. Vườn Pháp   3. Vườn Anh   4. Vườn Nga |  | LO2.2, | [1], [2] |
| * 1. Sự hình thành và phát triển của KTCQ thời kỳ hậu công nghiệp |  | LO2.3, |  |
| 3  Chương II, III | * 1. Sự hình thành và phát triển của KTCQ ở Việt Nam   2. Bố cục cảnh quan thời Lý   3. Bố cục cảnh quan cuối đời trần   4. Một số đặc trưng của sự hình thành cảnh quan kiến trúc cung đình |  | LO2.4, | [1] |
| * 1. Các nhận xét chủ yếu   2. Kiến trúc cảnh quan thời kỳ tiền công nghiệp   3. Kiến trúc cảnh quan thời kỳ công nghiệp   4. Kiến trúc cảnh quan thời kỳ hậu công nghiệp |  | LO2.4, | [1] |
| * 1. Các cơ sở cho việc bố cục cảnh quan   2. Điểm nhìn.   3. Tầm nhìn.   4. Góc nhìn |  | LO3.1 | [2] |
| * 1. Lý luận hình ành đô thị của Kevin lynch   2. Lynch đề xuất việc xây dựng tính hình ảnh đô thị   3. Các nhân tố cấu thành hình tượng |  | LO3.2 | [1] |
| * 1. Kỹ xảo tạo hình – trang trí không gian - cảnh quan Tạo hình không gian.  1. Xác định kích thước không gian. 2. Các yếu tố thị giác 3. Các yếu tố phi thị giác 4. Các thành phần cấu thành không gian 5. Các quy luật bố cục chủ yếu 6. Tỷ lệ và sự cân đối 7. Các quy tắc sắp xếp |  | LO3.3 | [2], [3] |
| 4  Chương III, IV | * 1. Cảm quan thị giác  1. Cường độ lực thị giác 2. Cấu trúc ẩn trên bề mặt 3. Cân giác 4. Hình dạng thị giác 5. Chuyển động thị giác 6. Điểm, nét diện trong tạo hình    1. Quy hoạch vùng – nông thôn Nguyên tắc phân vùng cảnh quan 7. Cảnh quan vùng nghỉ ngơi - giải trí 8. Công viên bảo tồn 9. Quần thể di tích cảnh quan    1. Quy hoạch cảnh quan đô thị 10. Phân vùng cảnh quan 11. Quy hoạch cảnh quan đô thị     1. Quy hoạch cảnh quan các quần thể trong đô thị 12. Các loại hình cảnh quan quần thể trong đô thị 13. Cơ sở hình thành cảnh quan quần thể trong đô thị 14. Những nguyên tắc quy hoạch cảnh quan quần thể trong đô thị |  | LO3.4, LO4.1, LO4.2, LO4.3 | [1] |
| 5 | Thuyết trình nhóm |  | LO3.1, LO3.2, LO3.3, LO5.1, LO5.2 | [1] |
| 6 | Thuyết trình nhóm |  | LO3.1, LO3.2, LO3.3, LO5.3, LO5.4 | [1], [2], [3] |

**9. Quy định của học phần**

- Giờ tự học: Ngoài giờ lên lớp theo thời khóa biểu, sinh viên sẽ phải đầu tư 30 giờ tự học/ tín chỉ lý thuyết như:

+ Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học

+ Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm …

+ Hoàn tất nhật ký việc tự học.

- Sinh viên dự lớp đầy đủ, nếu vắng quá 20% số tiết (>9 tiết) sẽ không được dự thi.

- Làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

- Sinh viên vắng vào buổi kiểm tra giữa kỳ/ thực hành không có lý do sẽ nhận 0 điểm.

**10. Rubric kiểm tra, đánh giá**

***10.1. Rubric tự học - thang điểm 10***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT** | **CHẤP NHẬN ĐƯỢC** | **KÉM** |
| Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Hoàn tất nhật ký việc tự học: 20% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |

***10.2. Rubric tham dự lớp - thang điểm 10***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT** | **CHẤP NHẬN ĐƯỢC** | **KÉM** |
| **Thời gian tham dự: 60%** | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| **Thái độ tham dự: 40%** | Chú ý, tích cực đóng góp (6đ) | Có chú ý và đóng góp (4đ) | Không chú ý/không đóng góp (0đ) |

***10.3. Rubric bài kiểm tra giữa kỳ - thang điểm 10***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tiêu chí đánh giá** | **Thang điểm** |
| KTGK | Kiểm tra giữa kỳ | - làm tiểu luận và thuyết trình nhóm | 10 |

***10.4. Rubric câu hỏi tự luận - kiểm tra kết thúc học phần - thang điểm 10***

| **STT** | **Chỉ báo thực hiện** | **Câu hỏi tự luận** | **Tiêu chí đánh giá** | **Thang điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | * Vườn – công viên trong thời kỳ tiền công nghiệp với các đặc trưng loại hình vườn cảnh trong các đền đài, dinh thự. * Thời kỳ công nghiệp vườn- công viên bắt đầu là bộ phận hữu cơ của đô thị (phục vụ đại đa số người dân). * Thời kỳ hậu công nghiệp kiến trúc cảnh vẫn còn đang tiếp diễn với những ứng dụng khoa học. cấu trúc hình khối phi tầng bầc không câu nệ hình dáng. | * Những đặc trưng kiến trúc cảnh quan thời kỳ tiền công nghiệp? * Bối cảnh hình thành kiến trúc cảnh quan thời kỳ công nghiệp, sự chuyển biến kiến trúc cảnh quan trong thời kỳ này? * Vai trò của kiến trúc cảnh quan trong quá trình quy hoạch đô thị? | - Sinh viên nêu được những đặc trưng kiến trúc cảnh quan qua các thời kỳ | 2đ |
| 2 | * Tìm hiểu cơ sở cho việc bố cục cành quan thông qua các khái niệm “Điểm nhìn”, “Tầm nhìn”, “ Góc nhìn” * Kỹ xảo tạo hình không gian, xác định kích thước không gian (tỷ lệ vàng, module, thuật phối cảnh tuyến, thuật phối cảnh không trung). * Các thành phần cấu tạo không gian “Nền”, “Tường”, “Trần” * Năm được các quy luật bố cục chủ yếu “bố cục cân xứng”, “Bố cục tự do”, Trục và trung tâm bố cục chính phụ” | * Thế nào là cảm nhận thị giác? Yếu tố cơ bản của cảm nhận thị giác? * Các thành phần cấu thành không gian kiến trúc cảnh quan? * Thế nào hài hoà đồng nhất, hài hoà tương tự? * Thế nào là bố cục cân xứng, bố cục tự do không đối xứng? * Thế nào là chuỗi số tỹ lệ vàng? tỷ lệ vàng kích thướch theo modun là những con số nào? | - Sinh viên nêu được nguyên lý, sự hài hòa, bố cục cảnh quan, tỷ lệ vàng | 2đ |
| 3 | * Mục tiêu quy hoạch cảnh quan và nguyên tắc phân vùng cảnh quan. * 3 loại hình quy hoạch cảnh quan: Quy hoạch vùng nông thôn, quy hoạch cảnh quan đô thị, quy hoạch cảnh quna các quầnt hể trong đô thị. | * Quy hoạch cảnh là gì? Phân loại các loại hình quy hoạch cảnh quan? * Vì sao quy hoạch cảnh quan đô thị là loại hình quy hoạch quan trọng nhất? nêu các loại hình quy hoạch cảnh quan đô thị? | Sinh viên cần nắm các loại đồ án quy hoạch cảnh quan | 2 đ |
| 4 | Thiết kế cảnh quan | Thực hành thiết kế cảnh quan vườn hoa, công viên, … | Sinh viên áp dụng các nguyên lý thiết kế cảnh quan thể hiện mạt bằng cảnh quan vườn hoa, công viên, …. | 4 đ |
| **Tổng** | | | | **10** |

**11. Phiên bản chỉnh sửa**

Lần 1, ngày 15/06/2019.

**12. Phụ trách học phần**

- Khoa: Kiến trúc / Chương trình: Bộ môn Quy hoạch vùng và đô thị

- Địa chỉ và email liên hệ:

- Điện thoại:

*Bình Dương, ngày tháng năm 2019*

**TRƯỞNG PHÒNG ĐTĐH TRƯỞNG KHOA GIÁM ĐỐC CTĐT**